

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 06/01/2022

V/v: “Tranh chấp chia tài sản
chung, nợ chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang và ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2021/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Jeắc Thị Nh, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Bà R, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân L, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Taing H, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Bà R, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Taing Thị M, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Bà R, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Ông Hứa Thanh K, Luật sư văn phòng luật sư Nhất Linh thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Taing H kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Jeắc Thị Nh trình bày:

Bà và ông Taing H là vợ chồng tiến đến hôn nhân năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi Hải. Tại Quyết định số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc đã công nhận thuận tình ly hôn giữa bà và ông H. Quá trình chung sống cả hai có tạo lập được một số tài sản chung, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn của bà và ông H như sau:

- Số tiền ông H bán tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 tại thôn Bà Râu 2, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc 110.000.000^d, ông H dùng làm hàng rào xung quanh số tiền 12.660.000^d, còn lại 97.340.000^d; tiền bán xe bò 8.200.000^d; tiền bán bộ cây gỗ 6.700.000^d; tiền bán xe Dream 1.300.000^d. Tổng cộng: 113.540.000^d bà yêu cầu ông H phải chia cho bà $\frac{1}{2}$ là 56.770.000^d.

- Đối với thửa đất có diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 489188 ngày 27/10/2015. Bà đề nghị Toà án chia cho bà $\frac{1}{2}$ diện tích nói trên, do không có điều kiện trực tiếp canh tác, bà xin được nhận bằng tiền và giao đất cho ông H. Bà đồng ý theo sơ đồ vị trí thửa đất do văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận chi nhánh Bác Ái cấp ngày 19/3/2021.

- Đối với khoản nợ 25.000.000^d vay của Ngân hàng chính sách huyện Thuận Bắc, là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân. Mặc dù vay sau khi ly hôn nhưng khoản vay này nhằm trả món nợ vay Ngân hàng trước đó trong thời gian chung sống mà chưa trả xong, gồm 23.000.000^d nợ gốc và 2.000.000^d nợ lãi. Bà đồng ý trả $\frac{1}{2}$, ông H phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$. Ngoài ra, vợ chồng bà không còn khoản nợ chung nào khác.

- Đối với số tiền 6.505.000^d đồng chi phí định giá, đo đạc đất bà đã nộp cho Toà án, bà không yêu cầu giải quyết số tiền nói trên.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Taing H trình bày: Ông đồng ý với nội dung bà Nh đã trình bày về phần tài sản chung của vợ chồng mà ông đã bán cho người khác, ông đồng ý trả lại cho bà Nh $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền 56.770.000^d.

- Đối với thửa đất có diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 489188 ngày 27/10/2015 cho hộ gia đình ông, ông không đồng ý chia vì đây không phải là tài sản chung vợ chồng mà là tài sản của mẹ ông bà Taing Thị M.

- Đối với số tiền 25.000.000^d vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Bắc, ông xác định số tiền vợ chồng ông vay chỉ có 23.000.000^d tiền gốc, thời điểm còn sống chung nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng, ông đồng ý trả ½ số tiền nợ này cho Ngân hàng chính sách.

- Trong thời gian vợ chồng còn chung sống có nợ bên ngoài, sau khi vợ chồng sống ly thân ông đã trả số tiền 37.946.000^d, còn nợ lại số tiền 18.500.000^d đồng của bà Phan Thị Th. Ông yêu cầu bà Nh phải trả lại cho ông ½ số tiền mà ông đã trả cho người khác tương đương 18.973.000^d và yêu cầu bà Nh phải trả ½ số tiền 18.500.000^d nợ còn lại của bà Th.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Taing Thị M trình bày: Thửa đất có diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái là tài sản của vợ chồng bà khai hoang từ năm 1993. Do thấy hoàn cảnh gia đình của ông Taing H khó khăn nên bà đã cho vợ chồng ông H canh tác từ năm 2007 đến nay. Hiện nay vợ chồng ông H đã ly hôn, bà yêu cầu ông Taing H phải trả lại đất cho bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Xuân L trình bày: Bà Jeák Thị Nh khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn. Ông hoàn toàn thống nhất với những yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do bà Nh cung cấp cho Toà án. Đối với ý kiến của ông H cho rằng số tiền nợ ngân hàng chính sách là 23.000.000^d là không đúng. Vì theo công văn của ngân hàng chính sách huyện Thuận Bắc gửi cho Toà án có nội dung số tiền nợ của vợ chồng bà Nh, ông H là 25.000.000^d. Ngoài ra, ông H cho rằng trong thời gian vợ chồng ly thân, ông H có trả nợ cho những người khác số tiền 37.946.000^d. Ông H cho rằng đây là số tiền dùng để trả nợ là tài sản của vợ chồng còn trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy việc ông H yêu cầu bà Nh phải trả lại cho ông H ½ số tiền trên là không có cơ sở. Số tiền 18.500.000^d là nợ riêng của ông H phát sinh sau khi vợ chồng sống ly thân nên ông H phải tự trả số tiền đó. Đối với thửa đất diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái được nhà nước cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông Taing H năm 2015. Đây là tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Ông H cho rằng đây là tài sản của mẹ ông là không đúng. Vì vậy, ông đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ điều 33, điều 38, điều 40, điều 59, điều 60 và điều 62 của luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn của bà Jeắc Thị Nh.

- Giao cho bà Jeắc Thị Nh được quyền quản lý, sử dụng thửa số 145, tờ bản đồ số 64, xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận diện tích 5.863m², có vị trí, cự ly các cạnh theo như sơ đồ vị trí khu đất ngày 19/3/2021 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Bác Ái cung cấp.

- Giao cho ông Taing H được quyền quản lý, sử dụng thửa số 146, tờ bản đồ số 64 xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận diện tích 5.863m² có vị trí, cự ly các cạnh theo như sơ đồ vị trí khu đất ngày 19/3/2021 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Bác Ái cung cấp.

Các đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của mình.

- Buộc ông Taing H phải trả cho bà Jeắc Thị Nh số tiền 56.770.000^d (Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

- Bà Jeắc Thị Nh, ông Taing H mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Bắc số tiền 12.500.000^d (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo khoản vay ngày 12/6/2020.

- Bà Jeắc Thị Nh, ông Taing H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Th (thôn Ấn Đạt, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận) số tiền nợ là 9.250.000^d (Chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) khi bà Phan Thị Th có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí định giá tài sản, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/8/2021, bị đơn ông Taing H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ – ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chia thửa đất số 92, tờ bản đồ 64 diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày vì đất của

bà Taing Thị M cho mượn. Khoản nợ Ngân hàng 25.000.000^d bà Nh vay sau ly hôn, ông không liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút hay thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Bà Jeắc Thị Nh thừa nhận bà và ông H trong thời kỳ hôn nhân còn nợ bà Phan Thị Th số tiền 18.500.000^d, bà đồng ý trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ cho bà Th.

Ông Taing H thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Bắc số tiền gốc tổng là 23.000.000^d chưa có tính lãi nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Xuân L tranh luận: Đối với ý kiến của ông H cho rằng số tiền nợ Ngân hàng chính sách là 23.000.000^d là không đúng, vì nợ gốc và lãi là 25.000.000^d; Đối với thửa đất diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái được nhà nước cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông Taing H năm 2015, là tài sản trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông H cho rằng đây là tài sản của mẹ ông là không đúng, bà M và ông H không có giấy tờ về việc cho, mượn quyền sử dụng đất. Yêu cầu cho bà Nh được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất bằng tiền vì bà Nh không có điều kiện và nhu cầu sử dụng đất. Vì vậy, ông đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hứa Thanh K tranh luận: Thửa đất có diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái có nguồn gốc do bà Taing Thị M khai hoang, năm 2007 bà M cho vợ chồng ông Taing H mượn để canh tác, ông H tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù bà M không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nhưng có những người làm chứng xác định đất do bà M cho ông H mượn. Nay bà Nh và ông H đã ly hôn, đề nghị trả lại quyền sử đất cho bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa nhận thấy quyền sử dụng thửa đất số 92 tờ bản đồ số 64 diện tích 11.726m² tại Đồng Dày, xã Phước Trung, ông H và bà M không có giấy tờ chứng cứ chứng minh cho mượn; ông H và bà Nh đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cấp giấy của Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái là đúng quy định của pháp luật, vì vậy ông H cho rằng đó không

phải là tài sản của vợ chồng, bà M cho rằng là tài sản của bà là không có cơ sở, bản án sơ thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và chia mỗi người $\frac{1}{2}$ là có căn cứ. Đối với khoản vay Ngân hàng được ký kết sau ly hôn tuy nhiên bà Nhin khai đây là khoản tiền vay Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân song chưa trả nợ, vì vậy ngày 12/6/2020 bà Nh vay để trả nợ cho khế ước của vợ chồng vay trước đây, lời khai của bà Nh được ông H thừa nhận, do đó khoản nợ này được xác định là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Đối với khoản nợ của bà Phan Thị Th số tiền 18.500.000^d, lời trình bày của ông H và bà Th đều xác định ông H đã trả cho bà Th số tiền này, theo đó bà Nh phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H số tiền 9.250.000^d. Bản án sơ thẩm còn sai sót trong việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, trong suốt quá trình tố tụng sơ thẩm bà Nh đều có nguyện vọng nhận giá trị quyền sử dụng đất được chia bằng tiền và không có nhu cầu nhận đất, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nh vẫn giữ nguyên nguyện vọng này, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Taing H, sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ – ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Taing H nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của các đương sự. Tòa án sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết đầy đủ các mối quan hệ pháp luật tranh chấp đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Taing H về quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Trong thời kỳ hôn nhân bà Nh và ông H được Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 92 tờ bản đồ 64 diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung. Quá trình thu thập chứng cứ, lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn về quyền sử dụng diện tích đất 11.726m² tại thôn Đồng Dày. Bà Nh cho rằng do vợ chồng cùng khai hoang sử dụng, ông H và bà M đều cho rằng đất của bà M khai hoang và cho vợ chồng ông H mượn để sử

dụng. Bà M, ông H không có tài liệu chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất của bà M. Những người làm chứng do bà M yêu cầu triệu tập tham gia phiên tòa gồm: Emaxít Thán, Emaxít La, Emaxít Hai, Taing Đông, Taing Hiệp Thịnh đều không biết rõ tứ cận thửa đất, thời gian sử dụng của ông H, bà M. Ông H cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà M cho vợ chồng mượn đất sử dụng. Tại phiên tòa ông H khai nhận quyền sử dụng thửa đất do bà M tặng cho riêng ông, không phải cho ông và bà Nh, tuy nhiên điều này không được bà Nh thừa nhận. Trong khi đó quá trình sử dụng đất ông H, bà Nh đã tiến hành đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại công văn số 247/UBND – TH ngày 01/12/2021 Ủy ban nhân dân xã Phước Trung cung cấp thông tin có nội dung: “Trước năm 2015 theo sổ mục kê thửa đất số 92 diện tích 11.726m² không có sổ thửa đất. Sổ mục kê ban đầu được Sở Tài nguyên môi trường phê duyệt ngày 14/12/2012 tờ bản đồ số 64 chỉ đến thửa đất 82. Thửa số 92 tờ bản đồ 64 hiện nay là một phần diện tích nằm trong thửa 33 tờ bản đồ 64 tổng diện tích 35.159m² đứng tên Taing H (do đo chung thửa với Eamaxit1 Sinh và con đường đất), sau này các hộ dân kê khai đăng ký phát hiện sai sót ranh giới thửa đất nên tách thành các thửa số 92 (Taing H), thửa 100 (Eamaxit1 Sinh), thửa 132 (con đường đất do UBND xã quản lý)”. Đồng thời, tại công văn số 1275/UBND – TH của Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái cung cấp: “Thửa đất 92, tờ bản đồ 64 diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái có nguồn gốc do hộ gia đình ông Taing H khai hoang và sử dụng từ năm 1998 đến nay. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Taing H là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật...”. Bà M không có giấy tờ khai hoang, không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, tại phiên tòa bà M thừa nhận bà biết ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2015 nhưng bà không khiếu nại. Do đó, tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Taing Thị M cho rằng quyền sử dụng thửa đất là tài sản của bà M là không có cơ sở. Ông Taing H và bà Jeăk Thị Nh có quá trình quản lý, sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 489188 ngày 27/10/2015. Vì vậy, kháng cáo của ông H yêu cầu không công nhận diện tích đất 11.726m² là tài sản chung của vợ chồng ông là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất thửa 92 tờ bản đồ 64, thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, huyện Bác Ái là tài sản chung của bà Nh, ông H có trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, khi phân chia tài sản chung đối với diện tích đất 11.726m² chưa xem xét đến nguyện vọng nhận giá trị tài sản bằng tiền của bà Nh, cấp sơ thẩm nhận định: “Do các đương sự không

thoả thuận được với nhau về việc phân chia tài sản này nên việc bà Nh yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền không được chấp nhận” là chưa đánh giá đầy đủ các tình tiết của vụ án và không phù hợp pháp luật. Xét bà Nh không có nhu cầu sử dụng đất trong khi ông H là người đang quản lý, sử dụng diện tích đất đồng thời các đương sự đều thống nhất được về diện tích 11.726m^2 có giá trị là $11.726\text{m}^2 \times 9.000^{\text{d}}/\text{m}^2 = 105.534.000^{\text{d}}$ là đảm bảo quyền lợi cho đương sự nhận giá trị bằng tiền. Do đó, giao cho ông H được quyền sử dụng thửa đất 92, tờ bản đồ 64 diện tích 11.726m^2 tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 489188 do Ủy ban nhân dân huyện Bắc Ái cấp ngày 27/10/2015, ông H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nh $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất theo định giá với số tiền $52.767.000^{\text{d}}$ là phù hợp.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ:

Đối với khoản nợ vay Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện Thuận Bắc số tiền vay $25.000.000^{\text{d}}$, thời gian vay ngày 12/6/2020, hạn trả 12/6/2025. Thời điểm bà Nh vay vốn thì giữa ông H và bà Nh đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 18/QĐST - HNGĐ ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc. Khoản vay này được xác lập sau khi ly hôn nhưng bà Nh xác định đây là khoản vay để trả nợ vay trong thời kỳ hôn nhân trước đó $23.000.000^{\text{d}}$ và nợ lãi $2.000.000^{\text{d}}$ cho Ngân hàng và được ông H thừa nhận. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, tại công văn số 88/CV- NHCS ngày 05/4/2021 và công văn số 332/NHCS – KHNv ngày 23/12/2021 của Ngân hàng chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện Thuận Bắc có nội dung: “ Ngày 12/6/2020 bà Jeák Thị Nh có đại diện cho hộ gia đình đứng tên vay vốn chương trình hộ cận nghèo với số tiền $25.000.000^{\text{d}}$, ...khoản vay chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nên Ngân hàng không tham gia tố tụng trong vụ án và sẽ khởi kiện khi đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ”. Do đó chỉ xác định nợ chung của vợ chồng và mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản vay là phù hợp.

Riêng đối với khoản nợ của bà Phan Thị Th số tiền $18.500.000^{\text{d}}$, cả ông H và bà Nh đều xác định nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và bà Nh đồng ý trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ, bà Phan Thị Th không yêu cầu vợ chồng ông H trả số tiền trên cho bà. Tuy nhiên, giai đoạn phúc thẩm tại biên bản lấy lời khai lập ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, bà Th thừa nhận ông H đã trả đủ toàn bộ số tiền $18.500.000^{\text{d}}$ cho bà, vì vậy không xem xét nghĩa vụ thanh toán khoản nợ này cho bà Th như bản án sơ thẩm đã tuyên và buộc bà Nh phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H số tiền $9.250.000^{\text{d}}$ mà ông H đã thanh toán nợ.

Từ những phân tích nhận định như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Taing H; Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ – ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Chi phí tại giai đoạn sơ thẩm số tiền 6.505.000^d bà Nh đã nộp tạm ứng, tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã nộp đủ.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chỉ thống nhất được về việc chia tài sản chung đã bán còn một số tài sản chung không thỏa thuận được, vì vậy các đương sự vẫn phải chịu án phí đối với việc chia toàn bộ tài sản chung. Cấp sơ thẩm xác định tiền án phí phải chịu 1.419.000^d tương ứng 56.770.000^d đối với tài sản đã thỏa thuận là không đúng quy định tại điểm e khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó tiền án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp. Ông Taing H, bà Jeăk Thị Nh mỗi người phải chịu 5.477.000^d (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia. Đồng thời bà Nh còn phải chịu án phí 462.500^d tương ứng số tiền thực hiện nghĩa vụ hoàn trả. Tuy nhiên, bà Nh thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông H 300.000^d tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 147, điều 148, điều 157, điều 165, điều 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều 33, điều 37, điều 59, điều 62 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 323, điều 357, điều 463, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 27, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Taing H.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ – ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn của bà Jeắc Thị Nhin .

1. Chia cho ông Taing H được quyền sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ 64 diện tích 11.726m² tại thôn Đồng Dày, xã Phước Trung, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 489188 do Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái cấp ngày 27/10/2015. Phần tài sản được nhận có giá trị 105.534.000^d (*Một trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng*).

(Thửa đất có trích lục bản đồ địa chính ngày 19/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Bác Ái kèm theo.)

2. Ông Taing H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Jeắc Thị Nh số tiền 52.767.000^d (*Năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và số tiền 56.770.000^d đối với ½ tài sản chung ông H đã bán. Tổng cộng: 109.537.000^d (*Một trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn đồng*), cân trừ nghĩa vụ hoàn trả nợ vay bà Phan Thị Th của bà Nh, ông H còn phải thanh toán cho bà Jeắc Thị Nh số tiền còn lại là 100.287.000^d (*Một trăm triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng*).

3. Về nợ chung: Khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện Thuận Bắc số tiền 25.000.000^d (*Hai mươi lăm triệu đồng*) là khoản nợ chung của bà Jeắc Thị Nh và ông Taing H, mỗi bên phải có nghĩa vụ thanh toán ½ khoản vay ngày 12/6/2020 cho Ngân hàng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Jeắc Thị Nh tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Taing H phải chịu số tiền 5.477.000^d (*Năm triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm .

Bà Jeắc Thị Nh được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Taing H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông H 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0021777 ngày 24/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc.

Những nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/01/2022).

Nơi nhận:

- Đường sự (11);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Thuận Bắc (1);
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc(1)
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang

